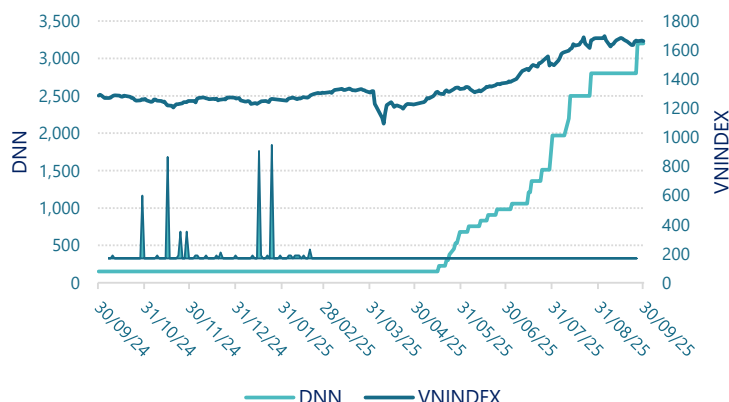


CTCP Cấp nước Đà Nẵng (UPCOM: DNN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	151
SL cổ phiếu LH	57,964,061
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
P/E	0.9
EPS	3,415

DT thuần

Q3/25

217

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0 | 7.5%

YoY: ▲ 41.0 | 23.4%

LN sau thuế

Q3/25

75.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.3 | 21.4%

YoY: ▲ 56.3 | 292%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

41.8%

+/- YoY: ▲ 27.2%

DT thuần

9T 2025

580

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 95.0 | 19.5%

LN sau thuế

9T 2025

174

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103 | 146%

ROE

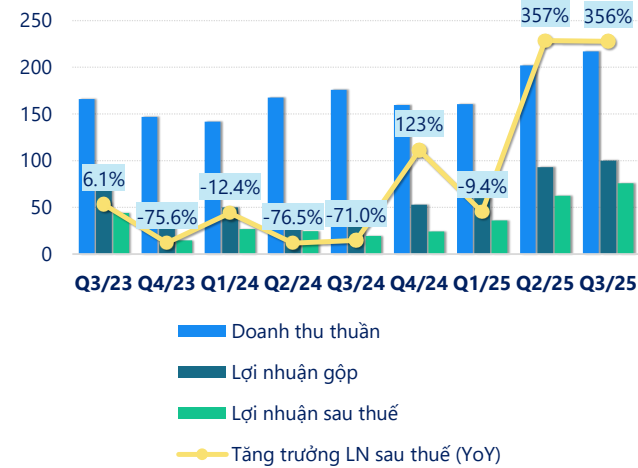
Q3/25

24.3%

+/- YoY: ▲ 13.5%

tỷ VNĐ

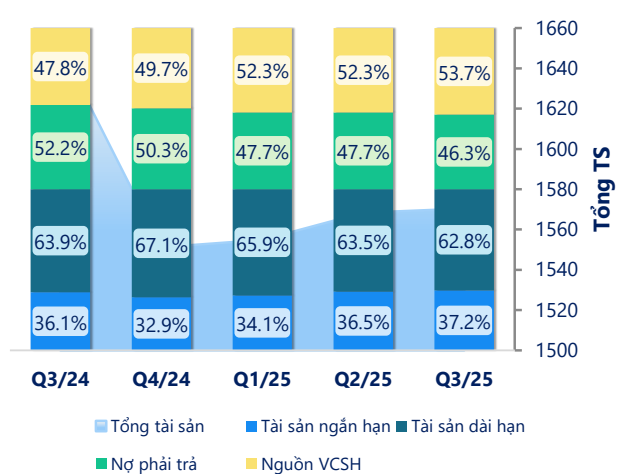
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

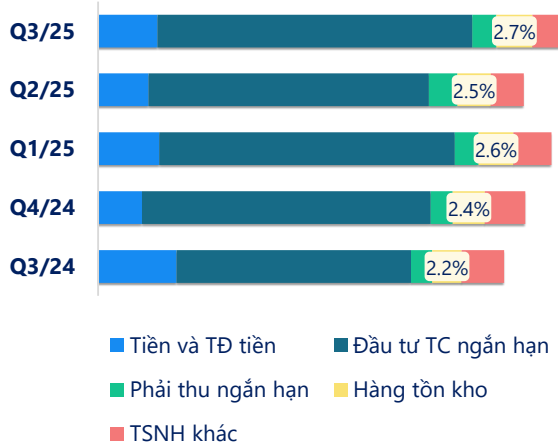
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



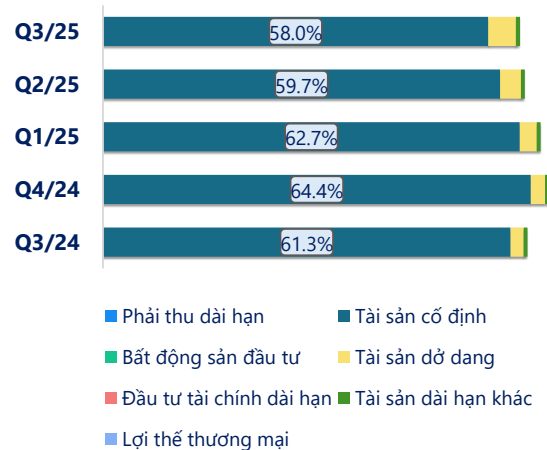
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

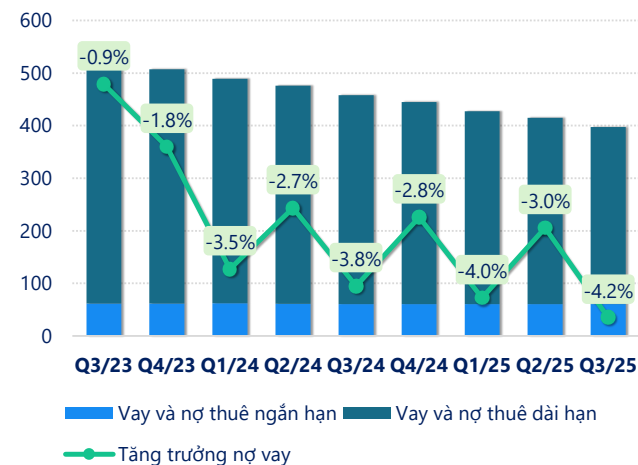
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

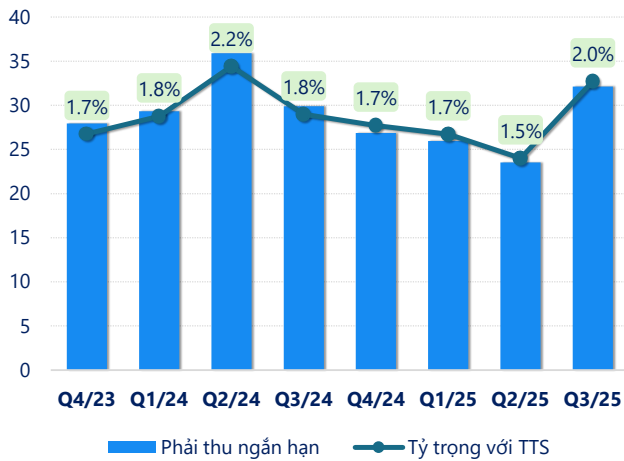
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



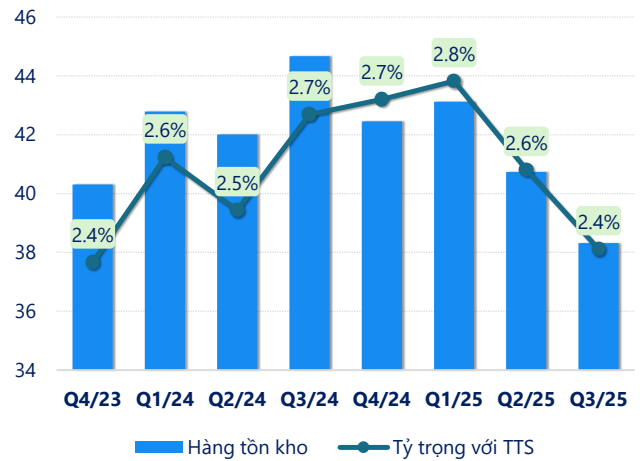
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


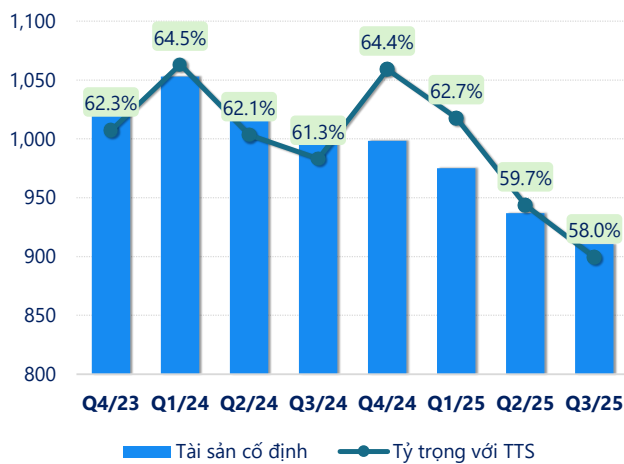
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


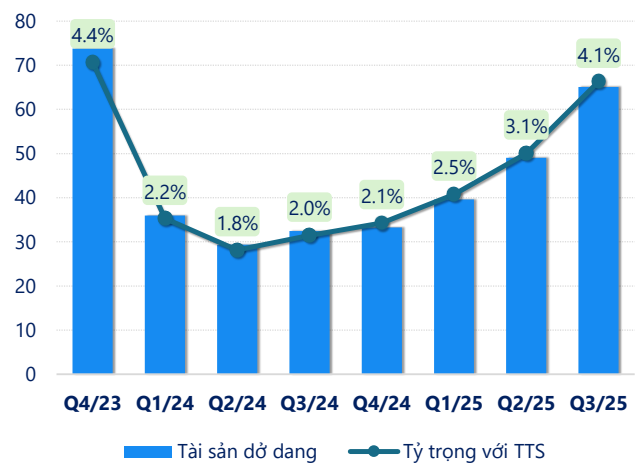
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

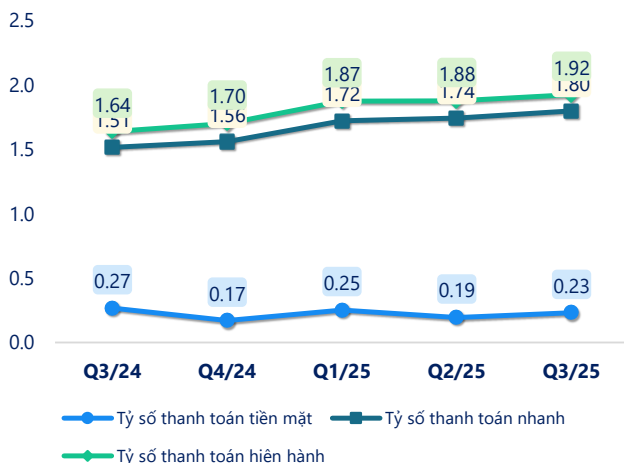
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

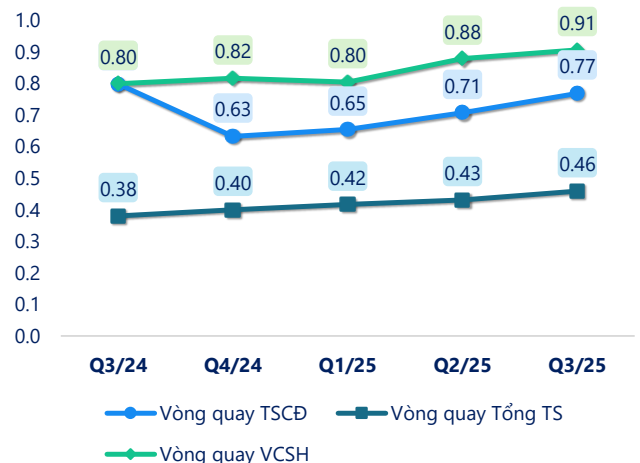
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,650	1,551	1,555	1,568	1,570
Tài sản ngắn hạn	597	510	531	573	585
Tiền và tương đương tiền	97.3	51.1	71.6	59.5	70.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	391	361	371	438	438
Phải thu ngắn hạn	29.9	26.9	26.0	23.5	32.1
Hàng tồn kho	44.7	42.5	43.1	40.7	38.3
Tài sản ngắn hạn khác	33.7	28.2	18.7	10.6	6.05
Tài sản dài hạn	1,054	1,041	1,024	996	985
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,012	998	975	937	910
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.4	33.2	39.6	49.1	65.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.24	9.48	9.35	9.60	9.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	862	780	742	748	726
Nợ ngắn hạn	364	300	283	305	304
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.7	60.5	60.4	60.4	60.4
Phải trả người bán ngắn hạn	35.4	34.0	32.1	40.1	42.2
Nợ dài hạn	498	480	459	443	422
Vay và nợ thuê dài hạn	397	385	367	354	337
Nguồn vốn chủ sở hữu	788	772	813	820	844
Vốn chủ sở hữu	787	771	812	820	843
Vốn điều lệ	580	580	580	580	580
Kinh phí và quỹ khác	0.82	0.58	0.58	0.58	0.58

(Nguồn: fireant.vn)